

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QUẬN H

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2022

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Tạ Thị Thà.**

- Ông **Nguyễn Văn Sơn.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Bích Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 712/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXX - ST ngày 21 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 05/01/2022; giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh **Hà Như H**, sinh năm 1978; Có mặt.

HKTT và nơi cư trú: Nhà B12, tập thể T, đường gom P, tổ 10, phường H, quận H, Hà Nội.

*** Bị đơn:** Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1987; Vắng mặt.

HKTT và nơi cư trú: Nhà B12, tập thể T, đường gom P, tổ 10, phường H, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Như H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị N vào ngày 25/02/2008; trước khi đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Lập Thạch (nay huyện Sông Lô), tỉnh Vĩnh Phúc, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội; Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nói xấu bôi nhọ danh dự nhau, cũng như hăm dọa đánh chém nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai bên gia đình và tổ dân phố nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào tháng 01/2020, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị N.

- Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Gia Khiêm (nam), sinh ngày 20/12/2008 và cháu Hà Diễm My (nữ), sinh ngày 13/12/2012. Ly hôn anh H xin được nuôi cả hai cháu và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng/hai cháu.

- Về tài sản chung của vợ chồng (Động sản + bất động sản): Anh H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận; Ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết;

- Về nợ chung của vợ chồng: Anh H xác nhận vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng; Ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai tại Tòa án cũng như tại phiên hòa giải và văn bản tố tụng khác bị đơn chị Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hà Như H vào ngày 25/02/2008; trước khi đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Lập Thạch (nay huyện Sông Lô), tỉnh Vĩnh Phúc, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội; Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh H ngoại tình không chung thủy với vợ con dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai bên gia đình và tổ dân phố nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào tháng 01/2020, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Gia Khiêm, (nam) sinh ngày 20/12/2008 và cháu Hà Diễm My (nữ), sinh ngày

13/12/2012. Ly hôn chị N xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị N xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận; Ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết;

4. Về nợ chung: Chị N xác nhận vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng; Ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2021, chị N vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản hòa giải không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Hà Như H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn, anh sống với chị N không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ tháng 01/2020, hiện nay đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý; anh chị cũng đã làm đơn thuận tình ly hôn nộp cho Tòa án vào tháng 6/2021 sau đó vợ chồng rút đơn nhưng không về chung sống với nhau. Do đó, anh H cương quyết yêu cầu được ly hôn chị N. Khi ly hôn anh xin được nuôi cháu Hà Gia Khiêm, (nam) sinh ngày 20/12/2008, để chị N nuôi cháu Hà Diễm My (nữ), sinh ngày 13/12/2012, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Vợ chồng anh chị không vay nợ ai và cũng không ai vay nợ vợ chồng anh chị.

Bị đơn: Vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của chị N thể hiện tại bản tự khai; biên bản hòa giải và Biên bản xác minh với tổ dân phố, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, bản tự khai của cháu Hà Gia Khiêm, cháu Hà Diễm My. Anh H nghe rõ các lời khai trên và thừa nhận đúng. Song, anh H vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội thụ lý Đơn ly hôn của anh Hà Như H đối với chị Trần Thị N là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án chuẩn bị đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự cũng được nhận các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật;

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích căn cứ pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Như H, xử cho anh H ly hôn chị N; giao con chung là cháu Hà Gia Khiêm cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Hà Diễm My cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không giải quyết; về khoản nợ chung: Không có và cũng không yêu cầu, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Như H có đơn ly hôn đối với chị Trần Thị N, nơi cư trú: Nhà B12, tập thể T, đường gom P, tổ 10, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn chị Trần Thị N đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, viết bản tự khai, nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên hòa giải vào ngày 22/11/2021; phiên hòa giải ngày 15/12/2021 chị N vắng mặt không có lý do.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Như H và chị Trần Thị N kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Ngày 25/02/2008 anh, chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Lập Thạch (nay huyện Sông Lô), tỉnh Vĩnh Phúc. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại Hà Nội, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nói xấu bôi nhọ danh dự nhau, cũng như hăm dọa đánh chém nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai bên gia đình và tổ dân phố nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được; Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào tháng 01/2020, tháng 6/2021 anh chị đã làm đơn xin công nhận thuận tình ly hôn, sau đó anh chị rút đơn nhưng không về chung sống với

nhau; Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 01/2020 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Tại bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải ngày 22/11/2021 chị N đều xác nhận sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội; Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh H ngoại tình không chung thủy với vợ con dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai bên gia đình và tổ dân phố nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào tháng 01/2020, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị N cũng đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh H, anh chị cũng thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, tuy nhiên anh chị không thống nhất được việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung; Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải lần 2 vào ngày 15/12/2021 tuy nhiên chị N vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Mặt khác tại biên bản làm việc với tổ dân phố, đại diện chính quyền địa phương cũng đã xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy anh H yêu cầu được ly hôn đối với chị N căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho anh Hà Như H ly hôn chị Trần Thị N.

Về con chung: Xác định anh Hà Như H và chị Trần Thị N có hai con chung là cháu Hà Gia Khiêm (nam), sinh ngày 20/12/2008 và cháu Hà Diễm My (nữ), sinh ngày 13/12/2012. Tại phiên tòa, anh H xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà Gia Khiêm, để chị N nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà Diễm My không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên hòa giải chị N xin được nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện cháu Diễm My còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định, quyền lợi mọi mặt của con, bao gồm quyền lợi về vật chất và tinh thần, việc anh H xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà Gia Khiêm, để chị N nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà Diễm My và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp pháp luật. Do vậy cần giao con chung là cháu Hà Gia Khiêm cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng, giao chị N nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà Diễm My, kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Anh Hà Như H và chị Trần Thị N thống nhất xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Anh Hà Như H và chị Trần Thị N cùng xác nhận không có vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Hà Như H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị Trần Thị N không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Như H. Cho anh Hà Như H ly hôn chị Trần Thị N.

2. Về con chung: Xác nhận anh Hà Như H và chị Trần Thị N có hai con chung: Giao anh Hà Như H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Hà Gia Khiêm (nam), sinh ngày 20/12/2008; Giao chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Hà Diễm My (nữ), sinh ngày 13/12/2012; kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hoãn việc dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác.

Chị Trần Thị N và anh Hà Như H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung (động sản và bất động sản)*: Anh Hà Như H và chị Trần Thị N thống nhất xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xét.

- *Về nợ chung*: Anh Hà Như H và chị Trần Thị N cùng xác nhận không có vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Anh Hà Như H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0049562 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội. Anh Hà Như H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Như H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND xã Tân Lập, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (GCNKH số 10/2008 ngày 25/02/2008)
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phương